

# にほんごのへや NIHONGO no HEYA にほんごきょうしつ

ボランティアスタッフが生活にすぐに役立つ日本語のお手伝いをします。

にほんごのへやは  
まいしゅうさんようび かいさいむりよう  
**毎週金曜日** 開催、無料です。

日本語 教室 毎週金曜日 無料

Clases de japonés Los viernes ¡Gratis!

Japanese class Every Friday Free!!

日语教室 每星期五 免费!

Lớp học tiếng Nhật mỗi thứ sáu miễn phí

"นิสองโกะ-โนะ-เฮยะ" สอนภาษาญี่ปุ่น ทุกวันศุกร์ โดยไม่คิดค่าใช้จ่าย



## 浦和 うらわ URAWA

① 10:00~12:00 浦和 昼コース (保育付き)

小さい子どもと一緒に学習できます。

② 18:00~20:00 浦和 子どもコース

小学生・中学生が勉強できます。学校の勉強の

お手伝いもします。

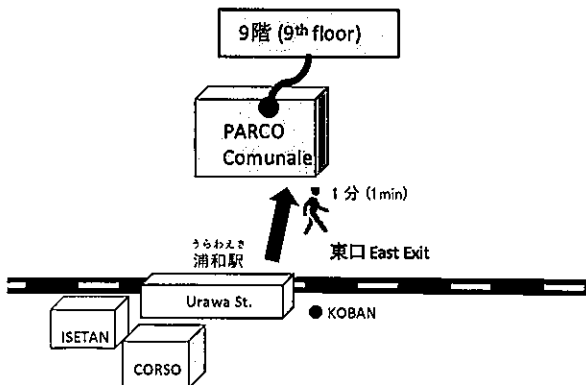
初めて来る時は保護者と一緒に来てください。

③ 18:00~20:00 浦和 夜コース

16歳以上(高校生を含む)の人なら誰でも  
学習できます。

### 場所

①②③ 国際交流センター / コムナーレ9階  
(JR浦和駅東口 歩いて1分 浦和パルコ上)



浦和 URAWA: 〒330-0055 さいたま市浦和区東高砂町11-1

## 大宮 おおみや OMIYA

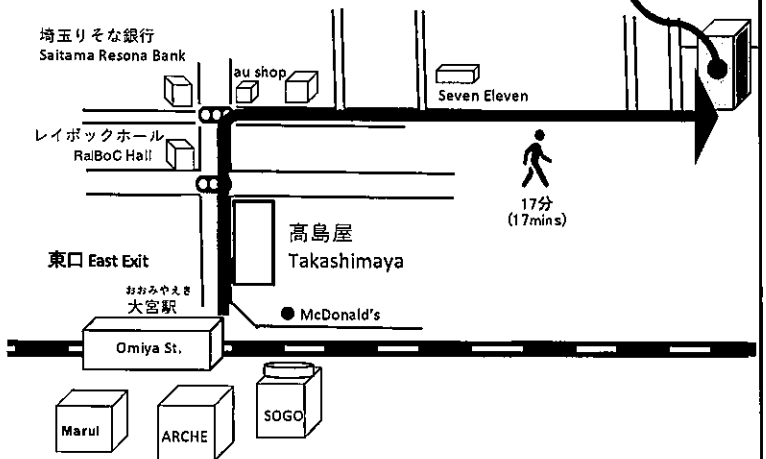
④ 10:00~12:00 大宮 昼コース (保育付き)

小さい子どもと一緒に学習できます。

### 場所

④ 大宮区役所 401号室

(JR大宮駅東口 歩いて17分)



大宮 OMIYA: 大宮区役所 〒330-8501 さいたま市大宮区吉敷町1-124-1



問合先・主催 公益社団法人さいたま観光国際協会 国際交流センター  
Saitama Tourism and International Relations Bureau (STIB) International Exchange Center (IEC)  
〒330-0055 さいたま市浦和区東高砂町11-1 コムナーレ 9階 (浦和パルコ上)  
E-mail: [iec@stib.jp](mailto:iec@stib.jp) TEL: 048-813-8500 <https://www.stib.jp>



## 【英語】

### Nihongo no Heya

—Nihongo no Heya is a free Japanese class held every Friday! Study basic Japanese necessary for living in Japan with our volunteer staff.

**Course ① 10:00-12:00: Urawa Daytime Course (Child Care Available)** --- Kids are welcome to study with their parents.

**Course ② 18:00-20:00: Urawa Children's Course** ---For children including JHS who need help with basic Japanese and schoolwork. Children must be accompanied by a parent/guardian on their first visit.

**Course ③ 18:00-20:00: Urawa Night Course** --- For ages 16 and up (including high school students).

**Course ④ 10:00-12:00: Omiya Daytime Course (Child Care Available)** --- Kids are welcome to study with their parents.

— Locations Courses ①②③ The International Exchange Center (Comunale 9F above PARCO)  
Course ④ Omiya Ward Office, Room 401

\* For the class schedule, please see the back page.

## 【中国語】

### “霓虹果擲黑鴨（日语小屋）”

是每星期五上课的免费日语班。志愿者老师帮助学员学习日常生活所需最起码的日语。

**课程① 10:00-12:00 浦和白天课程（提供保育服务）**——可带婴幼儿一起学习。

**课程② 18:00-20:00 浦和儿童课程**——在日本的学校就读的外籍学童可在此学习。帮助孩子学习日语并辅导学校课程。初次上课时请家长一起来。

**课程③ 18:00-20:00 浦和夜间课程**——16岁以上者（含高中生）均可参与学习的课程。

**课程④ 10:00-12:00 大宫白天课程（提供保育服务）**——可带婴幼儿一起学习。

**地点** 课程①②③ 国际交流中心 JR浦和站东口Comunale 9楼（PARCO 楼上）

课程④ 大宫区政府 401号室（日语字：大宮区役所401 日语谐音：哦奥弥雅苦压苦小 雍麻鲁一基）  
（JR大宫站东口 步行14分钟）

\* “霓虹果擲黑鴨（日语小屋）”的开班日期请看背面的日历。

## 【ベトナム語】

### Nihongo no heya

là lớp học tiếng Nhật miễn phí, mỗi tuần thứ 6 tổ chức. Nhân viên tình nguyện giúp đỡ cho bạn học tiếng Nhật.

Lớp tiếng Nhật ① 10 giờ ~ 12 giờ Lớp tiếng Nhật Buổi trưa tại Urawa (Có dịch vụ chăm sóc con cai) Đưa trẻ còn cũng có thể học tập được.

Lớp tiếng Nhật ② 18 giờ ~ 20 giờ Lớp tiếng Nhật dành cho Học sinh cấp 1 và học sinh cấp 2 có thể học tiếng Nhật. Nhân viên giúp đỡ về tiếng Nhật sử dụng cuộc sống tại Trường và học tập. Nếu mà bạn có mặt lần đầu, hãy đến với cha mẹ hay là người bảo vệ.

Lớp tiếng Nhật ③ 18 giờ ~ 20 giờ Lớp tiếng Nhật buổi tối tại Urawa. 16 tuổi trở lên (bao gồm học sinh cấp 3) Cũng có thể học tập được.

Lớp tiếng Nhật ④ 10 giờ ~ 12 giờ Lớp tiếng Nhật Buổi trưa tại Omiya (Có dịch vụ chăm sóc con cai) Đưa trẻ còn cũng có thể học tập được.

Vị trí tổ chức các lớp tiếng Nhật

Lớp tiếng Nhật①②③ Trung tâm giao lưu quốc tế Nhà ga Urawa, Cửa phía đông, Comunale, tầng 9, phía trên PARCO

Lớp tiếng Nhật④ Cơ quan hành chính quận Omiya phòng số 401

(Từ nhà ga Omiya cửa Đông đi bộ 14 phút.)

## 【スペイン語】

### "Nihongo no Heya"

"Nihongo no Heya" tiene lugar los viernes. Participación GRATUITA. Voluntarios les ayudan en el estudio del idioma japonés que es necesario para la vida cotidiana.

**Curso ① 10:00 - 12:00 Curso Diurno en Urawa (con guardería)** --- Los que acompañan a los niños pequeños pueden estudiar.

**Curso ② 18:00 - 20:00 Curso en Urawa para niños.** --- Clase para los alumnos de la escuela primaria y secundaria. Se enseña japonés que se usa en la vida cotidiana y en el estudio escolar. Los niños deben estar acompañados por uno de sus padres o un tutor, cuando vengan por primera vez.

**Curso ③ 18:00 - 20:00 Curso Nocturno en Urawa.** --- Curso para personas mayores de 16 años..

**Curso ④ 10:00 - 12:00 Curso diurno en Omiya (con guardería).** --- Los que acompañan a los niños pequeños pueden estudiar.

### Lugares

Cursos ① ② ③ Centro de Intercambio Internacional, JR estación Urawa, salida Este, Comunale 9º. Piso, arriba de PARCO.

Curso ④ Aula No. 401 de la oficina del ayuntamiento de Omiya. (a 14 minutos a pie de la estación Omiya, salida Este.)

\* Para los días de la clase, vea el calendario al dorso, por favor.

## 【韓国語】

### 「니혼고노헤야」

니혼고노헤야는 매주 금요일에 개최되는 무료 일본어 교실입니다. 자원봉사자들이 생활에 바로 도움이 되는 일본어를 도와 드립니다.

코스 ① 10:00-12:00 우라와 낮 코스 (보육 포함) --- 어린아이가 함께라도 학습할 수 있습니다.

코스 ② 18:00-20:00 우라와 어린이 코스 --- 초등학교, 중학교가 공부할 수 있습니다. 학교의 공부도 도와 드립니다. 처음 올 때는 보호자와 함께 오십시오.

코스 ③ 18:00-20:00 우라와 저녁 코스 --- 16살 이상(고교생 포함)의 사람이라면 누구나 학습할 수 있습니다.

코스 ④ 10:00-12:00 오미야 코스 (보육 포함) --- 어린아이가 함께라도 학습할 수 있습니다.

### 장소

코스 ①~③ 국제교류센터 JR우라와역 동쪽 출구 Comunale 9 층 PARCO 위

코스 ④ 오미야 구청 401호실 (JR오미야역 동쪽 출구 도보 14분)

\*니혼고노헤야의 개최일은 뒷면의 달력을 봐주십시오.

## 【タイ語】

### "นิฮองโกะ โนะ เฮยะ"

"นิฮองโกะ-โนะ-เฮยะ" สอนภาษาญี่ปุ่น ทุกวันศุกร์ โดยไม่คิดค่าใช้จ่าย - ฝึกภาษาญี่ปุ่นขั้นพื้นฐาน สำหรับสื่อสารในชีวิตประจำวัน สอนโดยอาสาสมัครชาวญี่ปุ่น

คอร์สที่ 1 เวลา 12.00-10.00 คอร์สกลางวัน ที่อุrawะ (มีผู้ช่วยดูแลเด็กเล็ก) คอร์สสำหรับพ่อแม่ที่มีเด็กเล็ก สามารถมาฝึกภาษาญี่ปุ่นได้

คอร์สที่ 2 เวลา 20.00-18.00 คอร์สสำหรับเด็ก ที่อุrawะ คอร์สสำหรับเด็กประถม-มัธยมต้น ช่วยสอนภาษาญี่ปุ่นขั้นพื้นฐาน และช่วยทบทวนบทเรียน

\* สำหรับในครั้งแรก เด็กควรมาพร้อมผู้ปกครองด้วย

คอร์สที่ 3 เวลา 20.00-18.00 คอร์สกลางคืน ที่อุrawะ คอร์สสำหรับบุคคลทั่วไป อายุ 16 ปีขึ้นไป (รวมเด็กมัธยมปลาย)

คอร์สที่ 4 เวลา 12.00-10.00 คอร์สกลางวัน ที่โอมิยะ (มีผู้ช่วยดูแลเด็กเล็ก) คอร์สสำหรับพ่อแม่ที่มีเด็กเล็ก สามารถมาฝึกภาษาญี่ปุ่นได้

### สถานที่

คอร์สที่ 1,2,3 เรียนที่ "อินเตอร์เนชั่นแนล-เอ็กซ์เชน-เซ็นเตอร์" Communale, ชั้น 9 ห้อง PARCO, เดิน 1 นาทีจากสถานีรถไฟ

JR อุrawะ ทางออกทิศตะวันออก

คอร์สที่ 4 เรียนที่ ห้อง 401 ที่ทำการอำเภอโอมิยะ, เดิน 14 นาทีจากสถานีรถไฟ JR โอมิยะ ทางออกทิศตะวันออก

\* สำหรับตารางปฏิทินการศึกษา โปรดดูด้านหลัง

令和5年度にほんごのへや カレンダー

2023. 4 ~ 2024. 3

4月	日	月	火	水	木	金	土	
							1	
	2	3	4	5	6	7	8	
	9	10	11	12	13	14	15	
	16	17	18	19	20	21	22	
	23	24	25	26	27	28	29	
	30							

10月	日	月	火	水	木	金	土	
	1	2	3	4	5	6	7	
	8	9	10	11	12	13	14	
	15	16	17	18	19	20	21	
	22	23	24	25	26	27	28	
	29	30	31					

5月	日	月	火	水	木	金	土	
		1	2	3	4	5	6	
	7	8	9	10	11	12	13	
	14	15	16	17	18	19	20	
	21	22	23	24	25	26	27	
	28	29	30	31				

11月	日	月	火	水	木	金	土	
				1	2	3	4	
	5	6	7	8	9	10	11	
	12	13	14	15	16	17	18	
	19	20	21	22	23	24	25	
	26	27	28	29	30			

6月	日	月	火	水	木	金	土	
					1	2	3	
	4	5	6	7	8	9	10	
	11	12	13	14	15	16	17	
	18	19	20	21	22	23	24	
	25	26	27	28	29	30		

12月	日	月	火	水	木	金	土	
						1	2	
	3	4	5	6	7	8	9	
	10	11	12	13	14	15	16	
	17	18	19	20	21	22	23	
	24	25	26	27	28	29	30	
	31							

7月	日	月	火	水	木	金	土	
							1	
	2	3	4	5	6	7	8	七夕
	9	10	11	12	13	14	15	
	16	17	18	19	20	21	22	
	23	24	25	26	27	28	29	
	30	31						

1月	日	月	火	水	木	金	土	
		1	2	3	4	5	6	
	7	8	9	10	11	12	13	お正月
	14	15	16	17	18	19	20	
	21	22	23	24	25	26	27	
	28	29	30	31				

8月	日	月	火	水	木	金	土	
			1	2	3	4	5	
	6	7	8	9	10	11	12	
	13	14	15	16	17	18	19	
	20	21	22	23	24	25	26	
	27	28	29	30	31			

2月	日	月	火	水	木	金	土	
					1	2	3	節分
	4	5	6	7	8	9	10	
	11	12	13	14	15	16	17	
	18	19	20	21	22	23	24	
	25	26	27	28	29			

9月	日	月	火	水	木	金	土	
						1	2	防災
	3	4	5	6	7	8	9	
	10	11	12	13	14	15	16	お月見
	17	18	19	20	21	22	23	
	24	25	26	27	28	29	30	

3月	日	月	火	水	木	金	土	
						1	2	雛祭り
	3	4	5	6	7	8	9	防災
	10	11	12	13	14	15	16	
	17	18	19	20	21	22	23	
	24	25	26	27	28	29	30	
31								

学習日 (大宮、浦和昼、浦和夜、子どもコース)